



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất tóm tắt theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (được gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992, có thời hạn 99 năm. Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (4) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Ngân hàng có một công ty con là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, với tỷ lệ sở hữu 100%.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả kinh doanh và chi trả cổ tức của Ngân hàng và công ty con như sau:

| | <i>Năm nay triệu đồng</i> | <i>Năm trước triệu đồng</i> |
|----------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm | 476.321 | 407.547 |
| Cổ tức tạm ứng công bố trong năm | (180.000) | (280.000) |
| Lợi nhuận để lại cuối năm | 369.141 | 130.160 |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng đã có thông báo về việc trả cổ tức đợt hai năm 2010. Theo thông báo, tỷ lệ cổ tức lần 2 là 6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu) và 28 tháng 1 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|----------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Bằng | Chủ tịch | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Bùi Thị Mai | Phó Chủ tịch | Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Tuấn Minh | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Đỗ Trọng Thắng | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Dương Thị Thu Hà | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Joseph Paul Longo | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|--|
| Bà Trần Thị Lan Hương | Trưởng ban | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Trần Thị Hà Giang | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Đinh Đức Tuấn | Thành viên | Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

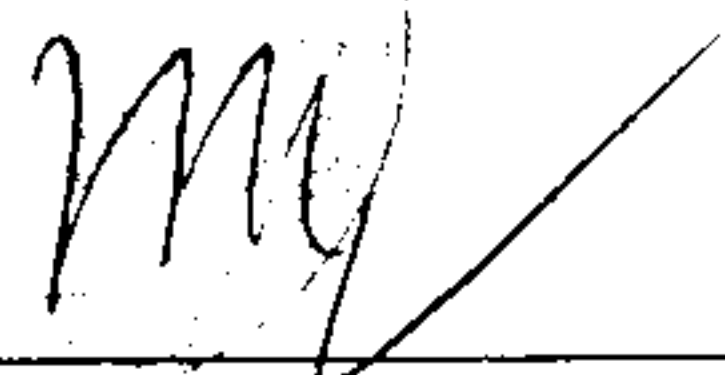
Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:


Bà Bùi Thị Mai
Phó Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

Số tham chiếu: 60755044/14681553

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 64 ("các báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam W.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Hoàng Thị Hồng Minh

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hoàng Thị Hồng Minh
Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0761/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | Thuyết minh | 31/12/2010 triệu đồng | 31/12/2009 triệu đồng |
|---|----------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 3 | 348.634 | 177.159 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") | 4 | 34.087 | 237.563 |
| Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác | 5 | 7.692.904 | 8.619.783 |
| Tiền, vàng gửi tại TCTD khác | 5.1 | 7.673.054 | 8.542.171 |
| Cho vay các TCTD khác | 5.2 | 20.000 | 77.612 |
| Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác | 5.2 | (150) | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 6 | 241.113 | 899.409 |
| Chứng khoán kinh doanh | | 267.813 | 916.356 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (26.700) | (16.947) |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | - | 5.210 |
| Cho vay khách hàng | | 18.300.130 | 13.138.567 |
| Cho vay khách hàng | 8 | 18.684.558 | 13.358.406 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 9 | (384.428) | (219.839) |
| Chứng khoán đầu tư | 10 | 7.427.959 | 5.268.166 |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 10.1 | 3.447.370 | 3.481.911 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 10.2 | 4.004.518 | 1.800.774 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư | | (23.929) | (14.519) |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | | 254.284 | 180.625 |
| Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| Vốn góp liên doanh | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 11 | 281.959 | 202.503 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 11 | (27.675) | (21.878) |
| Tài sản cố định | 12 | 233.008 | 207.895 |
| Tài sản cố định hữu hình | 12.1 | 172.974 | 180.261 |
| Nguyên giá tài sản cố định | | 285.613 | 267.494 |
| Hao mòn tài sản cố định | | (112.639) | (87.233) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | | - | - |
| Nguyên giá tài sản cố định | | - | - |
| Hao mòn tài sản cố định | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 12.2 | 60.034 | 27.634 |
| Nguyên giá tài sản cố định | | 86.179 | 45.899 |
| Hao mòn tài sản cố định | | (26.145) | (18.265) |
| Bất động sản đầu tư | | - | - |
| Nguyên giá bất động sản đầu tư | | - | - |
| Hao mòn bất động sản đầu tư | | - | - |
| Tài sản có khác | 13 | 3.455.607 | 506.002 |
| Các khoản phải thu | 13.2 | 249.415 | 168.137 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 13.1 | 686.546 | 315.790 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| Tài sản Có khác | 13.3 | 2.519.646 | 22.075 |
| Trong đó: Lợi thế thương mại | | - | - |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | | - | - |
| TỔNG TÀI SẢN | | 37.987.726 | 29.240.379 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>31/12/2010 triệu đồng</i> | <i>31/12/2009 triệu đồng</i> |
|--|------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 14 | 2.011.548 | 2.441.814 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 15 | 10.450.209 | 7.573.385 |
| Tiền gửi của các TCTD khác | 15.1 | 10.313.744 | 7.573.385 |
| Vay các TCTD khác | 15.2 | 136.465 | - |
| Tiền gửi của khách hàng | 16 | 16.186.048 | 13.648.467 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác | 7 | 17.127 | 2.439 |
| Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | 17 | 871.574 | 236.210 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 18 | 3.752.783 | 1.568.500 |
| Các khoản nợ khác | | 1.164.985 | 517.665 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | | 264.827 | 261.602 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | | - | - |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 19, 20 | 886.741 | 237.766 |
| Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng | 9 | 13.417 | 18.297 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 34.454.274 | 25.988.480 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| Vốn và các quỹ | | 3.533.452 | 3.251.899 |
| Vốn của TCTD | 21 | 3.001.455 | 3.001.455 |
| Vốn điều lệ | | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Vốn đầu tư XD CB | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | | 1.455 | 1.455 |
| Cổ phiếu quỹ | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| Vốn khác | | - | - |
| Quỹ của TCTD | 21 | 162.856 | 118.353 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 21 | - | 1.931 |
| Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế | 21 | 369.141 | 130.160 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | | - | - |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 37.987.726 | 29.240.379 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>31/12/2010 triệu đồng</i> | <i>31/12/2009 triệu đồng</i> |
|--------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | | | - |
| Bảo lãnh vay vốn | | 751.569 | 696.405 |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | | 1.037.771 | 1.081.184 |
| Bảo lãnh khác | | | |
| | 36 | 1.789.340 | 1.777.589 |
| Các cam kết đưa ra | | | |
| Cam kết tài trợ cho khách hàng | | - | 83.800 |
| Cam kết khác | | - | - |
| | | - | 83.800 |

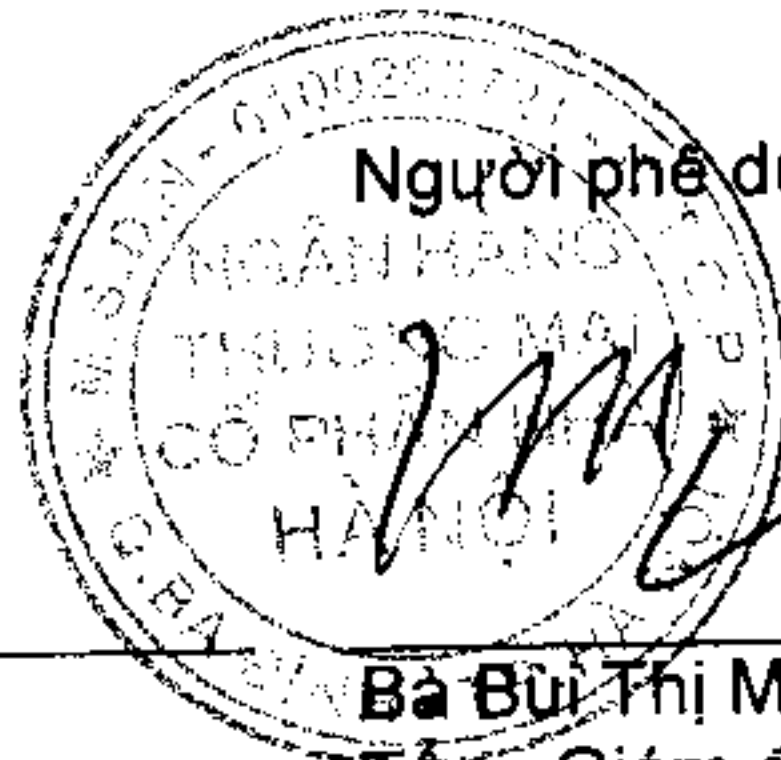
Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

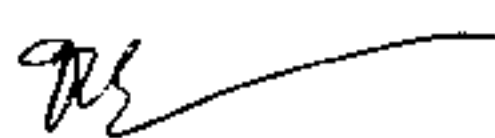
Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | Thuyết minh | 2010 triệu đồng | 2009 triệu đồng |
|---|----------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 24 | 3.059.322 | 2.408.016 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 25 | (2.310.698) | (1.749.422) |
| Thu nhập lãi thuần | | 748.624 | 658.594 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 142.198 | 122.406 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | | (32.064) | (13.105) |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 26 | 110.134 | 109.301 |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 27 | (14.267) | 32.192 |
| Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 28 | 90.979 | 15.159 |
| Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 29 | 107.900 | 51.299 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | | 244.263 | 29.515 |
| Chi phí hoạt động khác | | (28.770) | (2.878) |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác | 30 | 215.493 | 26.637 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 31 | 5.465 | 9.190 |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | | 1.264.328 | 902.372 |
| Chi phí tiền lương | 32 | (156.906) | (134.173) |
| Chi phí khấu hao và khấu trừ | 12, 32 | (38.582) | (35.138) |
| Chi phí hoạt động khác | 32 | (191.456) | (170.585) |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | (386.944) | (339.896) |
| LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG | | 877.384 | 562.476 |
| Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 9 | (275.437) | (57.626) |
| Chi phí dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác | 5 | (150) | - |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | 601.797 | 504.850 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 20.1 | (125.476) | (97.303) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | - | - |
| Chi phí thuế TNDN | | (125.476) | (97.303) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | | 476.321 | 407.547 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22 | 1.588 | 1.406 |

Người lập:



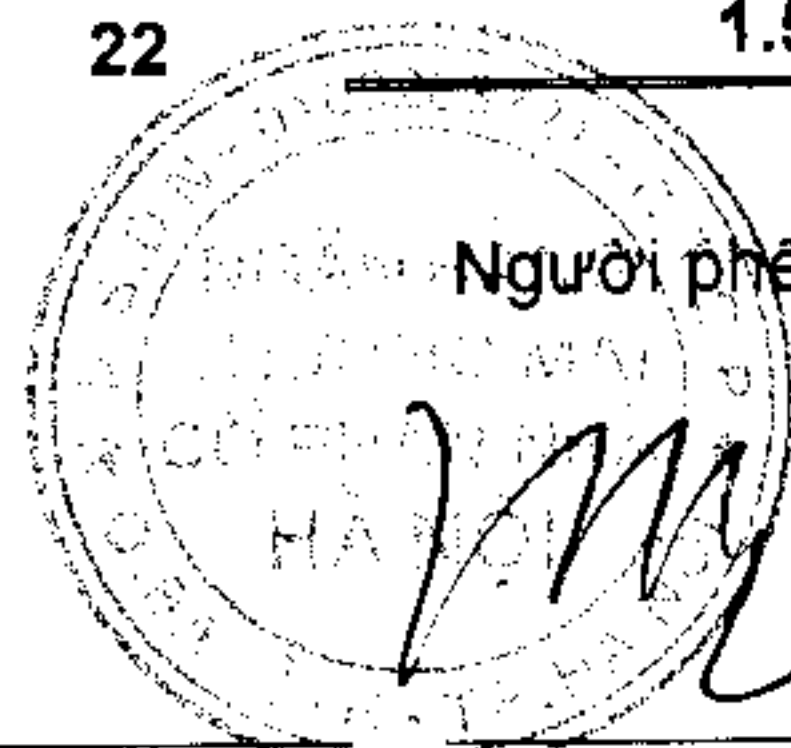
Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

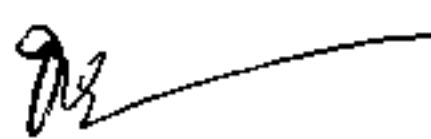
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

| | <i>Thuyết minh</i> | 2010 triệu đồng | 2009 triệu đồng |
|--|------------------------|--------------------|--------------------|
| LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM | | 130.160 | 70.992 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | | 476.321 | 407.547 |
| LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI | | 606.481 | 478.539 |
| <i>Trừ:</i> | | | |
| - Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước | 21.1 | (39.805) | (66.804) |
| - Tạm trích các quỹ năm nay | 21.1 | (11.402) | - |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | | (6.000) | - |
| - Tạm ứng cổ tức cho năm nay | 21.1 | (180.000) | (280.000) |
| - Các khoản khác | 21.1 | (133) | (1.575) |
| LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM | | 369.141 | 130.160 |

Người lập:



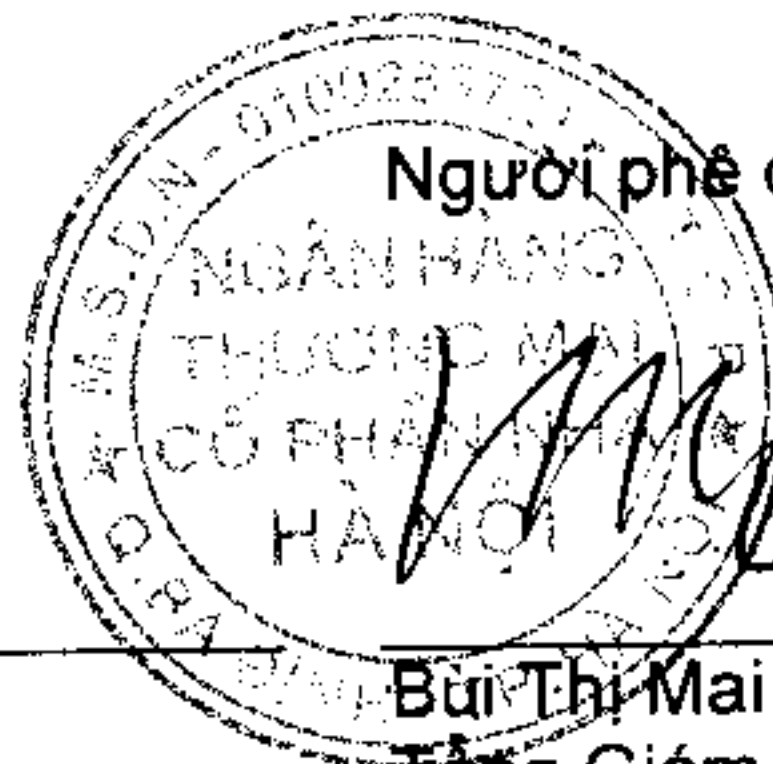
Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

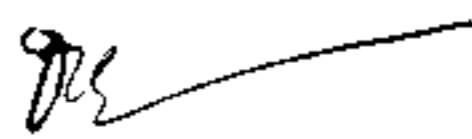
| | <i>Thuyết minh</i> | <i>2010 triệu đồng</i> | <i>2009 triệu đồng</i> |
|---|------------------------|----------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 2.688.565 | 2.351.478 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | | (2.307.472) | (1.988.062) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | | 110.134 | 109.301 |
| Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ | | 135.000 | 83.202 |
| Thu nhập khác | | (24.542) | 1.333 |
| Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro | 30 | 83.280 | 200 |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (348.360) | (299.907) |
| Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ | 20.1 | (95.014) | (101.015) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | | 241.591 | 156.530 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác | | 978.977 | (1.028.455) |
| (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | | (1.520.660) | (2.561.116) |
| (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | 5.210 | (5.210) |
| (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | | (5.326.152) | (2.842.459) |
| Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn) | | (115.727) | (75.039) |
| (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | | (2.492.237) | (128.900) |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | | |
| Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN | | (430.266) | 2.441.814 |
| Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD | | 2.876.824 | (750.977) |
| Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN) | | 2.537.581 | 2.566.518 |
| Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính) | | 2.184.284 | 1.568.500 |
| Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | | 635.364 | (318.496) |
| Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | 14.688 | 2.439 |
| Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | | 602.335 | 121.710 |
| Chi từ các quỹ của TCTD | 21 | - | (1.962) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 191.812 | (855.103) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Mua sắm tài sản cố định | 12 | (67.786) | (24.717) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | 147.556 | 101 |
| Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | - |
| Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 11 | (102.803) | - |
| Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 11 | 23.348 | 94.182 |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 31 | 5.465 | 4.663 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 5.780 | 74.229 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | <i>Thuyết minh</i> | 2010 <i>triệu đồng</i> | 2009 <i>triệu đồng</i> |
|---|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tăng vốn điều lệ | | - | 135.000 |
| Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | | - | - |
| Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | 23 | (177.345) | (277.289) |
| Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ | | - | - |
| Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ | | - | - |
| Các khoản khác | | - | (1.447) |
| | | (177.345) | (143.736) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 20.247 | (924.610) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ | 33 | 5.715.145 | 6.639.755 |
| Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá | | - | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ | 33 | 5.735.392 | 5.715.145 |

Người lập:



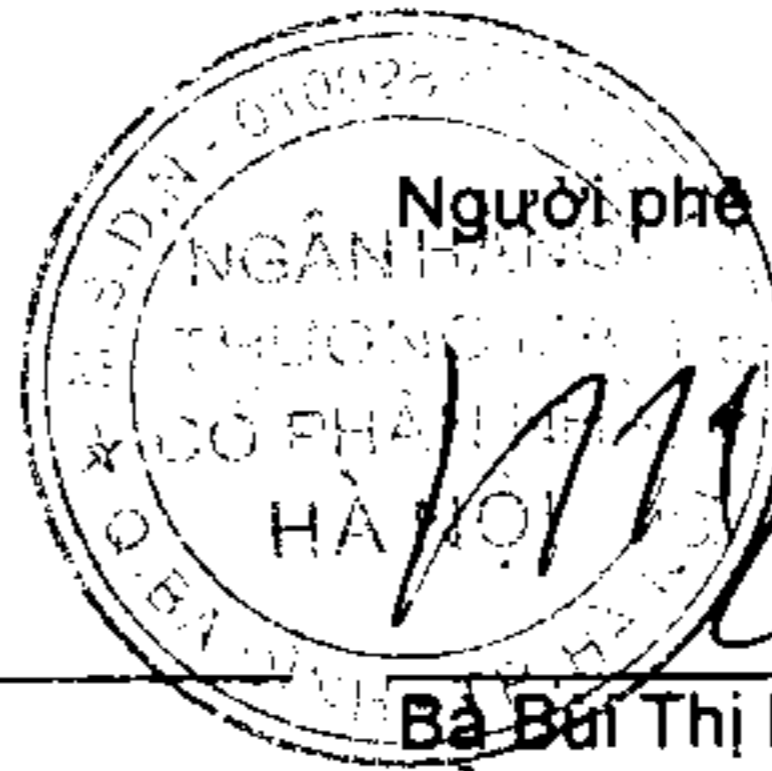
Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 3.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3.000.000 triệu đồng).

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|----------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Bằng | Chủ tịch | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Bùi Thị Mai | Phó Chủ tịch | Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Tuấn Minh | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Đỗ Trọng Thắng | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Dương Thị Thu Hà | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Joseph Paul Longo | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|--|
| Bà Bùi Thị Mai | Tổng Giám đốc | Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008 |
| Bà Lê Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc | Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001 |
| Ông Đỗ Trọng Thắng | Phó Tổng Giám đốc | Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Oanh | Phó Tổng Giám đốc | Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003 |
| Bà Nguyễn Dự Hương | Phó Tổng Giám đốc | Được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005 |
| Ông Nguyễn Tuấn Minh | Phó Tổng Giám đốc | Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007 |

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|--|
| Bà Trần Thị Lan Hương | Trưởng ban | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Bà Trần Thị Hà Giang | Thành viên | Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |
| Ông Đinh Đức Tuấn | Thành viên | Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009 |

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, và bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (04) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

| Tên Công ty | Quyết định Thành lập số | Lĩnh vực Hoạt động | Tỷ lệ % sở hữu của NH |
|---|---|-----------------------------|-----------------------|
| Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội | Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp | Chứng khoán, thị trường vốn | 100% |

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.464 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.100 người).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam*

Ban Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 *Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

2.3 *Năm tài chính*

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 *Hợp nhất các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

2.5 *Thay đổi chính sách kế toán*

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- ▶ Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ nghiên cứu và phát triển đào tạo được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên.

2.6. *Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng*

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

| Nhóm | Loại | Tỷ lệ dự phòng cụ thể |
|------|------------------------|-----------------------|
| 1 | Nợ đủ tiêu chuẩn | 0% |
| 2 | Nợ cần chú ý | 5% |
| 3 | Nợ dưới tiêu chuẩn | 20% |
| 4 | Nợ nghi ngờ | 50% |
| 5 | Nợ có khả năng mất vốn | 100% |

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 9.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.9 Chứng khoán đầu tư

2.9.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

2.9.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

